

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 27-12-2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Đào.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trâm;
2. Ông Lê Văn Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số X đường Y, khu phố H, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 01.12.2020) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim P**, sinh năm 1962 (có mặt).

Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số Z khu phố H, phường H, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – anh **Trần Quốc T** trình bày:

Do quen biết với nhau nên trước đây bà T có cho vợ chồng bà P, ông T vay tổng số tiền 200.000.000 đồng để làm vốn buôn bán làm ăn trong gia đình. Số tiền vay nhiều lần và thời gian vay kéo dài nên bà T không nhớ rõ chính xác ngày tháng năm. Khi vay tiền bà P, ông T không thế chấp tài sản, sau đó bà P, ông T chỉ trả 165.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng nên hủy bỏ giấy nợ số tiền 200.000.000 đồng, hai bên lập lại giấy nợ mới số tiền 35.000.000 đồng còn lại vào ngày 17/8/2019 âm lịch có chữ ký của bà P. Lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời gian vay tiền là 01 tháng tính từ ngày 17/8/2019 âm lịch đến 17/9/2019 âm lịch. Do tin tưởng nên bà T không yêu cầu ông T ký tên vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên đến nay bà P, ông T vẫn không trả bất cứ khoản vay hay khoản lãi nào.

Nay bà T yêu cầu cả hai vợ chồng bà T, ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 17.9.2019 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

- Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – bị đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà P xác nhận có ký giấy nợ 35.000.000 đồng đối với bà Nguyễn Thanh T vào ngày 17/8/2019 âm lịch, hẹn 01 tháng sau (17/9/2019 âm lịch) sẽ trả đủ số tiền trên nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà T khoản nào do hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp. Bà P thống nhất khoản vay 35.000.000 đồng trên xuất phát từ tổng khoản vay 200.000.000 đồng, thời gian vay cụ thể bà không biết chính xác do nhiều khoản cộng dồn trong một khoảng thời gian dài. Khoản vay đó bà và chồng là ông Phan Thanh T đã cùng nhau đứng ra trả 165.000.000 đồng, hủy giấy nợ 200.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng bà T không cho lại mà yêu cầu bà ký thêm giấy nợ 35.000.000 đồng vào ngày 17/8/2019 âm lịch. Vợ chồng bà hoàn toàn không sử dụng tiền vay, toàn bộ khoản vay được điều giao cho con gái, ông T cũng không ký giấy nợ, vì thương con nên mới cùng bà trả số nợ 165.000.000 đồng, đối với giấy nợ 35.000.000 đồng một mình bà ký tên nhận nợ nên nay bà đồng ý trả cho bà T, bà không đồng ý trả tiền lãi.

Ông Phan Thanh T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P, ông T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng, xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu bà P, ông T trả số tiền cho vay 35.000.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn bà P, ông T có địa chỉ tại khu phố H, phường H, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T thấy rằng:

[2.1] Bà T yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Kim P, ông Phan Thanh T trả số tiền vay 35.000.000 đồng, đại diện theo ủy quyền của bà T có xuất trình chứng cứ là bản gốc “giấy mượn tiền” đề ngày 17/8/2019. Tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà P thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ số tiền 35.000.000 đồng do con gái của bà P ghi giữ, thỏa thuận bà P có nghĩa vụ trả nợ trong vòng 01 tháng tính từ ngày 17/8/2019. Như vậy khoản nợ 35.000.000 đồng là có thật và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Các đương sự đều xác định khoản nợ 35.000.000 đồng xuất phát từ khoản nợ 200.000.000 đồng trước đó nhưng không trình bày rõ thời gian, các giấy nợ chỉ có bà Lê Thị Kim P ký tên nhận nợ, mục đích vay tiền theo bà P trình bày là giao cho con gái để làm vốn làm ăn, ông T là chồng bà P sau khi biết về khoản nợ 200.000.000 đồng đã đồng ý dùng tiền chung của vợ chồng trả bớt số nợ 165.000.000 đồng, như vậy đã xác lập nghĩa vụ chung vợ chồng đối với khoản nợ này. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, Bà T yêu cầu bà P, ông T cùng có nghĩa vụ trả khoản tiền 35.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà P, ông T trả lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 17/9/2019 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo giấy nhận nợ đề ngày 17/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/9/2019 dương lịch), thời hạn trả

nợ là 01 tháng (17/9/2019 âm lịch) nhưng bà P, ông T không trả số tiền theo cam kết, giấy nợ không có nội dung liên quan đến lãi suất, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày lãi suất khoản vay theo thỏa thuận là 2% nhưng bà P phủ nhận, cho rằng chỉ thỏa thuận trả đúng số tiền 35.000.000 đồng không thỏa thuận trả lãi, do không có cơ sở xác định rõ lãi suất, các bên có tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự buộc bà P, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi tính như sau:

17/9/2019 âm lịch nhằm ngày 15/10/2019 dương lịch tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 12 ngày: Tiền lãi = $(35.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 12 \text{ tháng} \times 26 \text{ tháng})$ đồng + $(35.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày})$ = 7.583.000 đồng (làm tròn) + 117.000 đồng (làm tròn) = 7.700.000 đồng.

Như vậy, bà P, ông T có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền gốc và lãi là 42.700.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà P, ông T phải chịu án phí: $5\% \times 42.700.000$ đồng = 2.135.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T theo quy định.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng mức lãi suất 1,66%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Lê Thị Kim P, ông Phan Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền gốc và lãi tổng cộng là 42.700.000 (bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P, ông T không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim P, ông Phan Thanh T phải chịu 2.135.000 đồng .

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí 875.000 đồng theo biên lai thu số 0009485 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3. Nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị Kim P được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn Phan Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**